

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/DS-ST
Ngày: 15 – 11 – 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hui và
Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Bà Lưu Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm Sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp Hợp đồng góp hui và Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2019/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2019/QĐST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Q, sinh năm 1955, địa chỉ Số 26/5, ấp C, xã K, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1951 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1951, cùng địa chỉ: Số 55/2, ấp C, xã K, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2019 và các tài liệu chứng cứ khác, nguyên đơn bà Phan Thị Q trình bày:

Nguyên vợ chồng bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn T làm đầu thảo hui, bà là hui viên, có tham gia 03 dây hui do vợ chồng bà N, ông T làm chủ, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mùa 2.000.000 đồng, mở ngày 19/11/2012, có 20 phần, bà tham gia 02 phần (để tên Năm H), đóng hụi sống được 12 lần x 02 phần x 2.000.000 đồng = 48.000.000 đồng. Sau đó bà N, ông T không khui nữa.

Dây 2: Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 15/6/2015, có 28 phần, bà tham gia 01 phần (để tên Năm H), đóng hụi sống được 14 lần x 500.000 đồng = 7.000.000 đồng. Sau đó bà N, ông T không khui nữa.

Day 3: Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 30/7/2015, có 28 phần, bà tham gia 01 phần (để tên Năm H), đóng hụi sống được 13 lần x 500.000 đồng = 6.500.000 đồng. Sau đó, bà N, ông T không khui nữa.

Tổng cộng 03 dây hụi bà N, ông T còn nợ bà 61.500.000 đồng

Ngoài ra, bà N còn mượn của bà 1.000.000 đồng (không nhớ ngày mượn) **đến nay vẫn chưa trả.**

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà N, ông T trả tổng số tiền nợ hụi và nợ vay là 62.500.000 đồng

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2019, bị đơn bà Trần Thị N trình bày:

Nguyên vợ chồng bà (bà và ông Nguyễn Văn T) có làm đầu thảo hụi, bà Phan Thị Q là hụi viên, có tham gia 03 dây hụi do vợ chồng làm đầu thảo, cụ thể trong 03 dây hụi này, vợ chồng bà còn nợ bà Q tổng số tiền 61.500.000 đồng.

Ngoài ra, vợ chồng bà còn hỏi mượn của bà Q số tiền 1.000.000 đồng, theo đúng như nội dung đơn khởi kiện ngày 17/9/2019 của bà Q.

Bà thừa nhận hiện nay, vợ chồng bà còn nợ bà Q tổng số tiền nợ 62.500.000 đồng, nhưng bà đã trả trước cho bà Q (trừ nợ người em của bà Q, tên là Lý Văn C) 36.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 26.500.000 đồng. Trước yêu cầu của bà Q, vợ chồng bà đợi trả xong cho những chủ nợ khác, rồi mới trả tiếp cho bà Q.

*Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, các bị đơn bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Q thay đổi yêu cầu khởi kiện là đồng ý khấu trừ 36.000.000 đồng cho các bị đơn, chỉ yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn T trả số tiền nợ 26.500.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung:

[3] Xét thấy: Giữa bà Phan Thị Q với vợ chồng bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn T có thoả thuận và giao kết Hợp đồng góp hui, Hợp đồng vay tài sản với nhau trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là các giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Cả bà Phan Thị Q với vợ chồng bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn T đều thống nhất thừa nhận có tham gia chơi hui và vay tài sản với nhau, hiện nay vợ chồng bà N, ông T còn nợ bà Q số tiền **26.500.000 đồng**. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Vợ chồng bà N, ông T yêu cầu bà Q đợi cho vợ chồng ông, bà trả xong nợ cho những chủ nợ khác, rồi vợ chồng bà N, ông T mới trả tiếp nợ cho bà Q. Tại phiên tòa, bà Q không đồng ý với yêu cầu trả nợ này, mà yêu cầu vợ chồng bà N, ông T trả ngay một lần. Cho nên, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận phương thức trả nợ của vợ chồng bà N, ông T đưa ra, tuy nhiên, các đương sự có thể tiếp tục thoả thuận phương thức trả nợ phù hợp ở giai đoạn thi hành án.

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 281, các điều 256, 290, 298 và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các điều 166, 357 và điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q, buộc vợ chồng bà N, ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Q số tiền nợ **26.500.000 đồng**.

[6] Đề nghị của Kiểm Sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng